

TRƯỜNG TỪ VỰNG

I. Thế nào là trường từ vựng .

1. Ví dụ: sgk

Các từ: mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng..

Đều có nét chung về nghĩa : chỉ bộ phận cơ thể người

⇒ Trường từ vựng

2. ghi nhớ (sgk)

* Lưu ý

a. Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.

b. Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại.

c. Một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.

d. Trong thơ văn, cuộc sống, người ta thường dùng cách chuyển từ vựng để tăng tính nghệ thuật.

II. Luyện tập Bài 1,2,3,4,5,6/23-24.

Văn bản: TỨC NƯỚC VỠ BỜ

I. Đọc, tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả: - Ngô Tất Tố (1893 – 1954). Quê: Từ Sơn – Bắc Ninh. Là nhà văn xuất sắc của trào lưu văn học hiện thực phê phán 30 – 45 và là nhà văn của nông dân.

2. Tác phẩm

- Tác phẩm chính:

+ Tiểu thuyết: *Tắt đèn* (1939), *Lều chõng* (1940)

+ Phóng sự: *Tập án cái đình* (1939), *Việc làng* (1940).

- “Tức nước vỡ bờ”: trích trong chương 18 của tác phẩm *Tắt đèn*. Đây là tiểu thuyết tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố.

3. Bố cục: 2 phần

II. Đọc – hiểu văn bản

1/ Tình cảnh của gia đình chị Dậu

- Nhà nghèo, phải bán con mà vẫn không đủ tiền để nộp sưu cho em chồng

- Chồng bị đánh đập tàn nhẫn đến mức hồn sắp lìa khỏi xác, con thì đói khát.

⇒ Sống trong cảnh thê thảm, đáng thương và nguy cấp trước nạn sưu thuế.

2/. Tức nước vỡ bờ

a/. Nhân vật tên cai lệ:

+ Lời nói: quát, thét, chửi, mắng, hăm dọa

+ Cử chỉ, hành động: sầm sập tiến vào, trợn ngược hai mắt, giật phắt cái thùng, sầm sập chạy tới, bịch mấy bịch, tát đánh bốp, sấn đến, nhảy vào...

-> Sử dụng động từ mạnh, miêu tả nhân vật qua cử chỉ, hành động, lời nói.

-> Là kẻ hống hách, thô bạo, vũ phu, hung dữ, độc ác đến tày lương tâm. Tay sai cho thế lực cầm quyền.

b/ Nhân vật chị Dậu.

* Trước thái độ hống hách, chửi mắng của bọn tay sai: Xưng cháu: ông – cháu

* Bọn cai lệ định đánh anh Dậu:

+ Chị “xám mặt” vì lo sợ

+ Cử chỉ: nhanh nhẹn, từ tốn, giọng mềm mỏng

* Bọn cai lệ đánh chị: chị liều mạng cự lại

+ Thay đổi cách xưng hô: ông – tôi -> ngang hàng

+ quát lại: lời lẽ thách thức: “mày trói....bà...”

- Vì yêu thương chồng, chị Dậu đã kiên cường, dũng cảm chống lại bọn tay sai thực dân phong kiến.

-> Chị Dậu là điển hình sâu sắc của người phụ nữ nông dân Việt Nam trong xã hội thực dân phong kiến.

III. Tổng kết: ghi nhớ sgk

XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I. Thế nào là đoạn văn?

1. Ví dụ

* Văn bản: Ngô Tất Tố và tác phẩm “Tắt đèn

2. Nhận xét

- Gồm 2 ý, trình bày trong hai đoạn.

- Viết hoa lùi đầu dòng và dấu chấm xuống dòng.

+ Về nội dung: Đoạn văn biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.

+ Về hình thức: Bắt đầu từ chỗ viết hoa, lùi vào 1 ô, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng.

+ Về cấu tạo: Đoạn văn thường gồm nhiều câu tạo thành.

+ Vai trò: Đoạn văn tạo nên văn bản.

3. Kết luận- Ghi nhớ - sgk

II. Từ ngữ và câu trong đoạn văn

1. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề

a. Ví dụ

b. Nhận xét

* **Từ ngữ chủ đề**

- Ngô Tất Tố

- Đoạn 1: Ngô Tất Tố, ông, nhà văn--> Từ ngữ chủ đề
=> Là từ ngữ làm đề mục hoặc được lặp đi lặp lại -> để duy trì đối tượng biểu đạt.

***Câu chủ đề:**

- Câu 1

+ Về nội dung: Mang nội dung khái quát.

+ Về hình thức: Ngắn gọn, đủ 2 thành phần chính của câu.

+ Về vị trí: Đứng ở đầu.

c. Kết luận (Ghi nhớ 2)

2. Cách trình bày nội dung đoạn văn

a. Ví dụ: sqk

b. Nhân xét

***Đoạn 1:**

+ Không có câu chủ đề

+ Yếu tố duy trì đối tượng: các từ ngữ chủ đề trong tất cả các câu văn

+ Quan hệ các câu ngang hàng, bình đẳng, bổ sung ý nghĩa cho nhau để bộc lộ chủ đề

+ Triển khai lần lượt ở từng câu. Các câu có quan hệ bình đẳng, không phụ thuộc lẫn nhau

=> *Đoạn văn trình bày theo kiểu song hành*

***Đoạn 2**

- Vị trí câu chủ đề: Đầu đoạn

- Trình tự triển khai ý: Câu đầu chứa ý chính, ý khái quát. Các câu sau cụ thể hoá ý chính (làm rõ ý chính

=> *Đoạn văn trình bày theo kiểu diễn dịch*

***Đoạn 3**

- Vị trí câu chủ đề: cuối đoạn

- Trình tự triển khai ý: T+ Trình bày từ ý cụ thể, chi tiết -> ý chung, khái quát.

=> *Đoạn văn trình bày theo kiểu quy nạp*

III. Luyện tập: Bài 1,2,3/36